| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 278/2024/HS-PT
Ngày: 22 - 4 - 2024

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Phạm Thị Duyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 923/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo Lê Minh T, Mai Thị Ngọc G, Huỳnh Thị Diệu T1 do có kháng cáo của của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2023/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Lê Minh T; sinh ngày 13/02/1993 tại An Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số A, đường Đ, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: nguyên cán bộ Đ1 – trật tự Công an thị xã T; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng đoàn: là đảng viên Đ2 đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Con ông Lê Chung T2 và bà Nguyễn Thị T3, vợ là Nguyễn Thị Mai T4, có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu*: Luật sư Nguyễn Thạch T5 – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Mai Thị Ngọc G; sinh năm: 1985 tại An Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Con ông Mai Văn H và bà Phan Thị N; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu*: Luật sư Nguyễn Hoài N1 – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

3. Huỳnh Thị Diệu T1; sinh ngày: 27/10/1977 tại An Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn T6 và bà Nguyễn Thị Hồng E; Chồng là Trần Văn Đ và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu*: Luật sư Nguyễn Thái H1 – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 bị cáo La Phước L, Huỳnh Thị Ngọc H2, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Văn T7 và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo quy định tại Thông tư số 58/2020/TT-BỊ CÁOA và số 59/2020/TT-BỊ CÁOA ngày 16/6/2020 của Bộ C về quy trình cấp, thu hồi đăng ký biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và công tác nghiệp vụ liên quan đến việc quản lý phương tiện cơ giới đường bộ, quy định mức thu lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm biển số mức 200.000 đồng, 400.000 đồng và cao nhất là 800.000 đồng/lần/xe tương ứng giá trị của xe từ 15.000.000 đồng trở xuống, từ 15.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và giá xe trên 40.000.000 đồng. Đồng thời quy định phải đưa xe đến cơ quan đăng ký kiểm tra xe để nhập thông tin chủ xe và phương tiện vào hệ thống quản lý. Thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2021 Lê Minh T là cán bộ công tác tại Đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an thị xã T, được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra giấy tờ giữa hồ sơ với hiện trạng xe. Lợi dụng nhiệm vụ được giao, T yêu cầu những người làm dịch vụ đăng ký xe mô tô (cò xe) ngoài việc nộp tiền lệ phí theo quy định thì đưa thêm cho T 400.000 đồng/hồ sơ đăng ký xe mới, 200.000 đồng/hồ sơ xe sang tên và rút di chuyển, để không phải mang xe đến Đội cho T kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ khi làm thủ tục đăng ký mới hoặc chuyển hồ sơ khỏi địa bàn. Tổng cộng T đã nhận 131.600.000 đồng để không thực hiện kiểm tra thực tế xe và không kiểm tra, đối chiếu giấy tờ của chủ xe đối với 393 hồ sơ đăng ký xe theo quy định. Trong đó, cụ thể T nhận của Mai Thị Ngọc G và Huỳnh Thị Diệu T1, cụ thể như sau:

- Mai Thị Ngọc G thỏa thuận với các doanh nghiệp mua bán xe mô tô, xe máy địa bàn trong, ngoài tỉnh nhận làm dịch vụ đăng ký cấp mới, cấp đổi biển số xe. Ngoài khoản thu theo quy định, G thu thêm tiền ngoài quy định 400.000 đồng/hồ sơ để không phải đem xe về cho cán bộ đăng ký xe kiểm tra thực tế.

Thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2021 G nhận tổng cộng 219 hồ sơ đăng ký xe mới của các doanh nghiệp kinh doanh xe mô tô, xe máy. Sau đó, G nhờ chị ruột là Mai Thị Kiều D cùng G viết thông tin chủ xe trên các giấy khai đăng ký, G ký khống tên chủ xe và trực tiếp đưa T 219 bộ hồ sơ kèm số tiền ngoài quy định 400.000 đồng/hồ sơ để T không kiểm tra thực tế xe, tổng cộng G đưa cho T 87.600.000 đồng để làm thủ tục đăng ký xe không mang xe đến kiểm tra, đối chiếu. Sau khi trừ các chi phí, G hưởng lợi từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng/hồ sơ.

- Huỳnh Thị Diệu T1 kinh doanh mua bán xe qua sử dụng, để thuận tiện khi làm thủ tục sang tên, T1 bàn bạc với T tạo điều kiện để không đem xe đến kiểm tra thì T yêu cầu phải đưa thêm tiền ngoài quy định 200.000 đồng/hồ sơ thì T1 đồng ý. Thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 6/2020, T1 mua 80 xe mô tô đã qua sử dụng, T1 đưa tiền cho T ngoài quy định 16.000.000 đồng/80 hồ sơ. T1 hưởng lợi từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng/hồ sơ.

Ngoài ra, cũng với cách thức nêu trên, T nhận của Cù Quang T8, Nguyễn Minh T9 và Trần Kim H3 tổng cộng số tiền 3.400.000 đồng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số mà bỏ qua thủ tục kiểm tra thực tế xe.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm 54/2023/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội "Nhận hối lộ". Các bị cáo Mai Thị Ngọc G, Huỳnh Thị Diệu T1 phạm tội "Đưa hối lộ"

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 354; điểm r, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Minh T 7 (B) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 364; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Mai Thị Ngọc G 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng.

3. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 364; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Diệu T1 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên tội danh và hình phạt đối với các bị cáo La Phước L, Huỳnh Thị Ngọc H2, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Văn T7; Xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, từ ngày 27/9/2023 đến ngày 05/10/2023 Bản án sơ thẩm bị kháng cáo như sau:

- Bị cáo Lê Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Bị cáo Mai Thị Ngọc G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo;

- Bị cáo Huỳnh Thị Diệu T1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Minh T, Mai Thị Ngọc G, Huỳnh Thị Diệu T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo T; Bị cáo G và bị cáo T1 xin được hưởng án treo.

Trong phần tranh luận:

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ. Chỉ vì mục đích vụ lợi bị cáo T là cán bộ công an huyện T đã nhận hối lộ để làm trái quy định về việc kiểm tra đăng ký xe. Tổng số tiền bị cáo T nhận hối lộ là hơn 131 triệu, bị cáo T1 và bị cáo G là một trong những người đưa hối lộ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước.

Xét kháng cáo của các bị cáo:

- Bị cáo T phạm tội theo khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự, bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết này là đã có lợi cho bị cáo, về các tình tiết giảm nhẹ thì Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ cho bị cáo, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Bị cáo G, bị cáo T1 thì Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên xử là phù hợp. Tình tiết mà các bị cáo nêu tại phiên tòa phúc thẩm đã được xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T phát biểu*: Bản án sơ thẩm đã xử là có phần nghiêm khắc so với hành vi của bị cáo T vì bị cáo tích cực hợp tác cơ quan công an, tự thú, ăn năn hối cải, ngoài ra bị cáo có bổ sung 02 quyết định khen thưởng của công an tỉnh A năm 2017 và 2018. Bản án sơ thẩm có nhận định bị cáo có nhiều thành tích, giấy khen nhưng không áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có thiếu sót. Theo quy định tại khoản 4 Điều 92 Luật phòng chống tham nhũng thì khuyến khích người có hành vi vi phạm tự thú và nộp khắc phục hậu quả thì được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang cũng đã đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự vì bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có 03 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết mới bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

*Người bào chữa cho bị cáo Mai Thị Ngọc G phát biểu*: Hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo giàu có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cụ thể sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có nộp giấy tờ thể hiện bị cáo có tham gia đóng góp hoạt động nhân đạo tại địa phương, thể hiện qua thư cảm tạ, giấy khen của chính quyền địa phương. Ngoài ra, bị cáo còn đóng góp nhiều quỹ cộng đồng cho địa phương được Ủy ban nhân dân phường X; Bị cáo cũng nộp khắc phục bổ sung 10 triệu đồng và án phí sơ thẩm. Hoàn cảnh gia đình bị cáo còn nuôi mẹ già đang bị bệnh tai biến, nuôi 02 cháu nhỏ đang đi học là 7 tuổi và 9 tuổi, bản thân bị cáo bị mắc bệnh lao phổi hiện nay vẫn còn di chứng. Số tiền mà bị cáo nộp khắc phục hậu quả là do tác động gia đình khắc phục cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo đủ điều kiện được áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, để được áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ. Ngoài ra, bị cáo cũng đủ điều kiện được hưởng án treo vì có việc làm có thu nhập. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện được chăm sóc mẹ già và lo cho các cháu nhỏ.

*Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Diệu T1 phát biểu*: Theo quy định của Điều 65 Bộ luật hình sự về điều kiện được hưởng án treo thì bị cáo T1 đủ điều kiện được hưởng án treo, vì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, hình phạt sơ thẩm xử bị cáo là 10 tháng tù, bị cáo đã nộp phạt 16 triệu đồng sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo chỉ có trình độ học vấn là 4/12. Ngoài ra, cha mẹ có công cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Tại phiên tòa, bị cáo cung cấp bệnh án thể hiện bản thân bị cáo có bệnh. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Minh T, Mai Thị Ngọc G, Huỳnh Thị Diệu T1 làm trong hạn luật định và hợp lệ.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2021, Lê Minh T đã có hành vi lợi dụng nhiệm vụ được giao làm trái quy định pháp luật, không kiểm tra, đối chiếu thực tế xe và các giấy tờ khi làm thủ tục đăng ký xe mô tô để nhận hối lộ với tổng số tiền 131.600.000 đồng. Trong đó: Mai Thị Ngọc G đưa hối lộ 87.600.000 đồng; Huỳnh Thị Diệu T1 đưa hối lộ 16.000.000 đồng.

Với hành vi như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội "Nhận hối lộ" theo điểm c khoản 2 Điều 354; Các bị cáo Mai Thị Ngọc G, Huỳnh Thị Diệu T1 phạm tội "Đưa hối lộ" điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ

luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Minh T, Mai Thị Ngọc G, Huỳnh Thị Diệu T1:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân bất bình và lên án. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Trong đó, các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo T tự thú khai nhận hành vi phạm tội; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; giao nộp toàn bộ số tài sản nhận hối lộ; tích cực hợp tác Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa có căn cứ xác định ông ngoại là liệt sĩ và quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, điểm s, điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo G, T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân tốt; các bị cáo G, T1 đã nộp số thu lợi bất chính là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Minh T 07 năm tù; Bị cáo G 01 năm tù; Bị cáo T1 10 tháng tù là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, và cung cấp các tài liệu sau:

- Bị cáo T: Quyết định về việc khen thưởng số 14/QĐ-CAT ngày 27/12/2018 và số 02/QĐ-CAT ngày 03/01/2018 của Giám đốc Công an tỉnh A; Giấy xác nhận sử dụng lao động ngày 10/10/2023 có xác nhận của chính quyền địa phương;

- Bị cáo G: Đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn ngày 27/9/2023 có xác nhận của chính quyền địa phương; các giấy ghi ơn của Hội chữ thập đỏ thị xã T, giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L;

- Bị cáo T1: Đơn xin giảm trách nhiệm hình sự ngày 27/3/2024 có xác nhận của chính quyền địa phương, kèm theo đơn là hồ sơ bệnh, và tài liệu thể hiện ông Huỳnh Văn T6 và bà Nguyễn Thị Hồng E được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo T nhiều lần nhận hối lộ từ các bị cáo khác (phạm tội "Đưa hối lộ), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (Phạm tội 02 lần trở lên) khi xem xét hình phạt là có lợi cho bị cáo. Tài liệu mà bị cáo nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm đã được Bản án sơ thẩm nhận định, và áp dụng Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo;

- Bị cáo G là người đưa hối lộ với số tiền nhiều nhất trong các bị cáo bị xét xử về tội "Đưa hối lộ". Bản án sơ thẩm đã nhận định và áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, mức án sơ thẩm đã xử là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội. Nội dung bị cáo và người bào chữa cho bị cáo nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm thuộc quy định Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đã được áp dụng. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới so với cấp sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Tương tự như bị cáo G, bản án sơ thẩm cũng đã nhận định và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T1. Nhưng trong các tài liệu mà bị cáo cung cấp tại cấp phúc thẩm thể hiện cha, mẹ bị cáo tham gia kháng chiến chống Mỹ và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Xét, mặc dù đây là trường hợp áp dụng Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng tình tiết này chưa được nhận định và xem xét ở cấp sơ thẩm. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là 10 tháng tù. Căn cứ quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo, để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật và chính sách của Nhà nước đối với gia đình có công với đất nước.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo T và G; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo T1; Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo T1.

[5] Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Minh T và bị cáo Mai Thị Ngọc G phải chịu;

- Bị cáo Huỳnh Thị Diệu T1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Minh T, Mai Thị Ngọc G;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Diệu T1;

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội "Nhận hối lộ". Các bị cáo Mai Thị Ngọc G, Huỳnh Thị Diệu T1 phạm tội "Đưa hối lộ"

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 354; điểm r, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Minh T 7 (B) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 364; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Mai Thị Ngọc G 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng.

3. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 364; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Diệu T1 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Nếu các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng.

4. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Lê Minh T, Mai Thị Ngọc G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Huỳnh Thị Diệu T1 không phải chịu.

5. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- BCTN (3);
-UBND xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (1);
- Lưu (10) 22b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Cầu**

**SPT.**